

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Đặng Hồng Phương - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ngày nhận bài: 30/11/2017; ngày sửa chữa: 04/12/2017; ngày duyệt đăng: 08/12/2017.

**Abstract:** The author shared the points of view on the upgrading quality of early childhood education in Vietnam in the globalization era. There are three essential issues mentioned, namely quality of early childhood education, factors affecting the quality of early childhood education and some methods to improve the quality of early childhood education in Vietnam in the context of integration.

**Keywords:** Early childhood education; quality of early childhood education; factors.

## 1. Mở đầu

Cuộc tranh luận về khái niệm “*chất lượng trong giáo dục (GD)*” ở nhiều nước trên thế giới đã kéo dài nhiều thập kỉ nhưng vẫn chưa kết thúc. Trong các định nghĩa khác nhau về chất lượng, các tác giả đề cập 5 khía cạnh chất lượng trong GD, đó là sự vượt trội; hoàn hảo; phù hợp với mục tiêu; giá trị và sự tiến bộ [1]. Như vậy, chất lượng giáo dục mầm non (GDMN) là sự phù hợp với mục tiêu của chương trình GDMN, kết hợp với việc đánh giá quá trình tiến bộ của trẻ so với chính bản thân của mỗi đứa trẻ.

Mục tiêu của GDMN là giúp trẻ em phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm, sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời [2].

Chất lượng GDMN chịu ảnh hưởng của 4 yếu tố cơ bản, đó là: *gia đình, nhà trường, xã hội* và *bản thân trẻ*. Nếu xác định được những thành phần chủ yếu của các yếu tố này và vận dụng hợp lí trong quá trình GD trẻ thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng GDMN [3]. Đánh giá chất lượng GDMN là sự đối chiếu khả năng của trẻ với các mục tiêu GDMN đã được nêu ra trong chương trình.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vài nét về thực trạng GDMN hiện nay

#### 2.1.1. Về chương trình GDMN

Từ ngày 15/2/2017 đến nay, các trường mầm non (MN) thực hiện Chương trình GDMN theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT. Mục tiêu của chương trình GDMN là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân

cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một [2]. Mục tiêu GDMN được thực hiện thông qua các hoạt động (HD) giao lưu cảm xúc, HD với đồ vật, HD chơi, HD học, HD lao động, HD ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn, chương trình GDMN sau khi được sửa đổi, bổ sung một số nội dung là *chương trình có tính khoa học và tiến bộ nhất từ trước đến nay*.

#### 2.1.2. Về việc tổ chức thực hiện chương trình GDMN cho trẻ ở trường MN

Năm 2016, điều tra bằng phiếu hỏi, trao đổi với khoảng trên 350 giáo viên (GV) tại một số trường MN ở Hà Nội, một số tỉnh đồng bằng như Ninh Bình, Thái Bình và 60 GV tỉnh miền núi Lai Châu, cho thấy: đa số các GVMN đều nắm được các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GD cho trẻ. Tuy nhiên, nhiều GV ở miền núi và một số GV ở vùng đồng bằng còn gặp khó khăn trong việc thiết kế nội dung GD trẻ theo chủ đề, mạng nội dung, mạng HD và trong việc thực hiện các môn năng khiếu như tạo hình, âm nhạc. Nhìn chung, các GV được hỏi đều gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện một số HD GD, trong đó có GD thể chất vì số lượng trẻ trong lớp đông, phòng học chật, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho lĩnh vực này còn thiếu, nhiều sân chơi, phòng tập thể dục, trang phục thể thao cho GV và trẻ, trang thiết bị ngoài trời, một số dụng cụ thể dục trong lớp như thang leo, cầu thăng bằng... chưa đầy đủ.

#### 2.1.3. Kết quả GD trên trẻ MN

Trải qua gần 10 năm thực hiện chương trình đến nay, toàn bộ 63 tỉnh thành trong cả nước đã phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [4]. Đây là sự nỗ lực đáng kể của ngành GDMN. Hiện nay, Bộ GD-ĐT đã ban hành Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 22/7/2010. Nội dung bộ chuẩn bao gồm các chuẩn thuộc 04 lĩnh vực, đó là: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và quan hệ xã hội. Mỗi lĩnh vực có một số chuẩn, mỗi chuẩn có các chỉ số cụ thể. Nếu chỉ tập trung vào một độ tuổi là trẻ 5 tuổi - trẻ em từ 60-72

tháng tuổi để đánh giá sự phát triển của trẻ, cho thấy ngoài đánh giá trẻ hằng ngày và theo giai đoạn phát triển của trẻ, ta còn nên đánh giá quá trình tiến bộ của trẻ so với chính bản thân nó. Điều này không dễ, vì tính đến nay cả nước mới có khoảng 31,1% trường MN đạt Chuẩn Quốc gia [4].

**2.1.4. Về chất lượng đào tạo GVMN ở các trường sư phạm có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả GD trẻ em.** Hiện nay, các trường sư phạm đào tạo GVMN đang chuyển sang đào tạo theo hướng “phát huy năng lực của người học”. Theo phương thức đào tạo này, GVMN mới ra trường được đào tạo kết hợp chặt chẽ giữa kiến thức, kĩ năng nghề và phẩm chất đạo đức. Đặc biệt là thời gian gần đây, các nhà trường đã đổi mới chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh và sinh viên bằng cách tăng cường thời gian, đa dạng hóa các loại hình kiến tập, thực hành và thực tập sư phạm nhằm đảm bảo cho việc rèn luyện tay nghề cho họ. Tuy nhiên, khi tốt nghiệp, sự công hiến của họ còn phụ thuộc vào hoàn cảnh khách quan, vào môi trường GD nơi làm việc của họ.

#### 2.1.5. Về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDMN

Từ năm 2010, Bộ GD-ĐT đã đưa ra các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDMN dự thảo lấy ý kiến. Theo đó, chất lượng GDMN sẽ được đánh giá thông qua 5 tiêu chuẩn như trẻ có sự phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ; năng lực của Ban Giám hiệu; cơ sở vật chất của nhà trường; mối liên hệ giữa nhà trường và phụ huynh hay tổ chức quản lí nhà trường [4]. Khi bàn đến chất lượng GDMN, cần tập trung nghiên cứu các yếu tố liên quan, đó là: gia đình, nhà trường, xã hội và bản thân đứa trẻ [3]. Gia đình là “cái nôi đầu đời” của đứa trẻ và cũng là nơi bắt đầu quá trình GD trẻ. Gia đình còn là nơi vẫn có tác động GD nhiều, mặc dù trẻ đã đi học ở trường, nên có thể thấy gia đình đóng vai trò giáo dục tiếp tục và liên tục. Sau đó, “cái nôi thứ hai” là trường MN, ở đó trẻ được cô giáo thay mặt gia đình và xã hội chăm sóc - GD trẻ phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, hiện nay sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc và GD trẻ còn có những hạn chế, một phần do chưa có sự thống nhất về mặt nhận thức giữa hai đối tượng này. Do đó, cần tăng cường tiến hành chuyên đề bồi dưỡng cho GV về sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc và GD trẻ. Tiếp đến là yếu tố xã hội phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, xã hội cần có những chính sách thể hiện sự quan tâm hơn nữa đến thể hệ tương lai của đất nước và phải bắt đầu từ trẻ MN, chẳng hạn như chế độ chăm sóc sức khỏe cho mẹ và trẻ, thời kì thai sản cho người mẹ... Và cuối cùng là đứa trẻ, nhân vật trung tâm của quá trình GD. Mỗi đứa trẻ là một cá thể riêng biệt, có những năng lực và hoàn cảnh khác nhau. Do đó, nếu muốn GDMN phát triển thì phải làm cho trường MN là ngôi nhà thứ hai của trẻ, nghĩa là trẻ vui khi đến trường và khi về nhà thấy nhớ trường...

## 2.2. Một số giải pháp

- **Đổi mới công tác quản lí:** Chỉ đạo phát triển chương trình GDMN một cách linh hoạt phù hợp với các vùng miền khác nhau. Từ chương trình GDMN, xây dựng các kế hoạch GD linh hoạt phù hợp với các vùng miền khác nhau, tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ em MN được hưởng việc GD một cách công bằng. Để thực hiện có hiệu quả chương trình GDMN trong những năm tiếp theo, các nhà lãnh đạo MN các cấp cần chỉ đạo chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho các GV theo thứ tự ưu tiên các chuyên đề mà GV còn đang hạn chế trước, sau đó mới đến các chuyên đề khác, không nên bồi dưỡng một cách đại trà như hiện tại. Có chính sách ưu tiên thỏa đáng đối với GVMN và cán bộ làm công tác hướng dẫn, tư vấn chăm sóc GD trẻ tại gia đình, đặc biệt ở các vùng khó khăn. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hình thức tổ chức HĐ GD cho trẻ MN có hiệu quả.

- **Xây dựng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn vững vàng:** Đội ngũ GV phải có trình độ chuyên môn từ trung học sư phạm MN trở lên, thường xuyên được cập nhật các kiến thức mới về GDMN. Tổ chức tham quan học tập các trường MN tiên tiến, tăng cường mối liên hệ giữa GV và các bậc phụ huynh của trẻ trong việc chăm sóc và GD trẻ. Nhà trường MN cần tạo những điều kiện cần thiết để GV có thể tổ chức các HĐ GD nhằm khơi dậy tiềm năng ở mỗi trẻ, tạo cơ hội cho các em phát triển và trở thành đứa trẻ toàn cầu [3].

- **Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lí (CBQL) các cấp thật sự có trình độ chuyên môn vững vàng và năng lực về quản lí phù hợp với vị trí quản lí (CBQL cấp sở khác với cấp phòng, và càng khác với cấp trường, tính đặc thù của từng vị trí quản lí phải có năng lực riêng).**

- **Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lí hành chính Nhà nước của đội ngũ CBQL GDMN (đến năm 2020, 40% CBQL có trình độ thạc sĩ trở lên, 70% tốt nghiệp quản lí hành chính nhà nước) [5].**

- **Xây dựng cơ sở vật chất thích hợp cho GDMN** theo hướng phù hợp với điều kiện vùng, miền, bảo đảm diện tích trường và sân chơi đúng quy định của nhà nước. Tất cả các trường MN phải có công trình vệ sinh phù hợp, có đủ nước sạch để trẻ dùng. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị HĐ GD cho các trường MN. Cần tăng cường xã hội hóa GD tạo thêm nguồn lực đầu tư cho các trường MN.

- **Nâng cao chất lượng đào tạo GVMN ở các trường sư phạm.** Trước hết, cần phải nâng cao chất lượng của giảng viên sư phạm, tiếp tục đổi mới phương thức đào tạo, phương pháp giảng dạy ở nhà trường và công tác thực hành, thực tập sư phạm... Chú ý hơn nữa từ vấn đề nhận thức mục đích, nhiệm vụ, nội dung GD đến việc rèn luyện kĩ năng tổ chức các HĐ GD cho trẻ ở trường MN đối với giáo sinh trung cấp, sinh viên trình độ cao đẳng và đại học. Làm sao để GVMN là những con

người có phẩm chất năng lực và đạo đức vẹn toàn, có kiến thức và kĩ năng chuyên sâu về chuyên môn, có khả năng hợp tác với đồng nghiệp... và là một nhân cách thân thiện [3].

- *Đổi mới về chính sách quản lí nhân lực GD*: Xây dựng khung năng lực nghề để làm cơ sở cho công tác tuyển chọn và sử dụng GV; đào tạo và bồi dưỡng GV theo năng lực nghề. Cơ chế tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề và cơ chế thái hời đối với những GV không có khả năng đáp ứng năng lực nghề. Cơ chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm đối với CBQL các cấp và miễn nhiệm đối với những CBQL không có đủ phẩm chất và năng lực nghề, năng lực quản lí...

### 3. Kết luận

Từ cách tiếp cận mới về khái niệm “chất lượng GDMN”, chúng tôi đã khảo sát chất lượng GDMN Việt Nam hiện nay về một số khía cạnh, đó là chương trình và việc tổ chức thực hiện chương trình GDMN, kết quả GD trẻ trong gần 10 năm thực hiện chương trình đến nay, chất lượng đào tạo GVMN và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDMN. Từ đó, đề xuất một số giải pháp về công tác quản lí thực hiện chương trình GDMN, xây dựng đội ngũ GV và CBQL, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lí cho GV và CBQL, xây dựng cơ sở vật chất thích hợp cho GDMN, nâng cao chất lượng đào tạo GV ở các trường sư phạm MN và đổi mới về chính sách quản lí nhân lực GD nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDMN Việt Nam.

Cần có những cuộc hội thảo về khái niệm “chất lượng GDMN”, xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng GDMN Việt Nam. Ngoài ra, cần có các công trình nghiên cứu sâu và rộng về thực trạng GDMN, đề xuất các giải pháp hoàn thiện hơn cho việc nâng cao chất lượng GDMN Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (1999). *Chiến lược giáo dục mầm non từ năm 1998 đến năm 2020*. NXB Giáo dục.
- [2] Bộ GD-ĐT. *Báo cáo Hội nghị tổng kết 10 năm phát triển giáo dục mầm non ngày 22/4/2016*.
- [3] Trần Bá Hoàn (1995). *Đánh giá trong giáo dục*. NXB Giáo dục.
- [4] Đặng Hồng Phương (2012). *Đôi điều suy nghĩ về giáo dục mầm non thời kì hội nhập quốc tế*. Kì yếu Hội thảo: Mô hình nhân cách giáo viên mầm non thời kỳ hội nhập quốc tế - Khoa Giáo dục mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; tr 103-105.
- [5] Bộ GD-ĐT (2015). *Chương trình giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Đinh Thị Kim Thoa (2008). *Đánh giá trong giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục.
- [7] Lê Xuân Hồng - Trần Quốc Minh - Hồ Lai Châu - Hoàng Mai - Lê Thị Khang (2001). *Cẩm nang dành cho giáo viên trường mầm non*. NXB Giáo dục.

### PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG TIỀN ĐỌC VIẾT...

(Tiếp theo trang 48)

Ở mỗi khu vực đều được trang trí, thiết kế đẹp mắt và đều được trang bị đầy đủ các đồ dùng phục vụ các hoạt động của ngày hội. Việc khuyến khích phụ huynh tham gia cùng con trong các hoạt động đã làm tăng thêm sự gắn kết giữa gia đình và nhà trường, góp phần duy trì hoạt động bền vững của thư viện sách trong nhà trường. Giáo viên tuyên truyền hình thức hoạt động này tới cha mẹ trẻ, vận động cha mẹ trẻ cùng phối hợp trong hoạt động này thì sẽ nâng cao hiệu quả.

### 3. Kết luận

Có nhiều hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm với sách nhằm phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ 5-6 tuổi. Giáo viên có thể lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức sao cho phù hợp và hiệu quả. Các hình thức tổ chức trên chỉ là những gợi ý để giáo viên tổ chức có hiệu quả nhất hoạt động giáo dục của mình, đáp ứng mục tiêu giáo dục. Giáo viên cần khuyến khích những điều trẻ quan tâm, bởi vì không phải mọi đứa trẻ đến trường đều yêu thích sách. Các hình thức tổ chức cho trẻ 5-6 tuổi trải nghiệm với sách như trình bày ở trên sẽ giúp các em hứng thú với việc đọc, tạo cảm nhận tích cực về sách, trẻ thu nhận kiến thức về đọc, viết một cách tự nhiên,...

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Hồng Thái (2015). *Giáo trình phát triển ngôn ngữ trẻ em tuổi mầm non*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Phan Lan Anh (2010). *Trò chơi với sự phát triển khả năng tiền đọc, viết của trẻ mầm non*. Tạp chí Giáo dục, số 230, tr 30-31.
- [3] Nguyễn Thanh Hùng (2011). *Kĩ năng đọc hiểu văn bản*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Trần Mạnh Hường (2008). *Cần quan tâm dạy trẻ mẫu giáo những gì để học tốt môn tiếng Việt ở lớp 1*. Tạp chí Giáo dục Mầm non số 4-2008.
- [5] Otto Beverly (2009). *Phát triển khả năng đọc, viết tuổi mầm non*. NXB Pearson, Hoa Kỳ.
- [6] Jenne M. Machado (2006). *Những kinh nghiệm của trẻ mầm non trong nghệ thuật ngôn ngữ*. NXB Delmar, Thomson I.
- [7] Đinh Hồng Thái (2011). *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Đinh Hồng Thái (2014). *Giáo trình phát triển khả năng tiền đọc, viết tuổi mầm non theo hướng tích hợp*. NXB Giáo dục Việt Nam.